

TÌNH HOÀN ẶN

ThS. VŨ ĐỨC DUY
Bộ môn Ngoại nhi
Đại học Y Dược TP.HCM

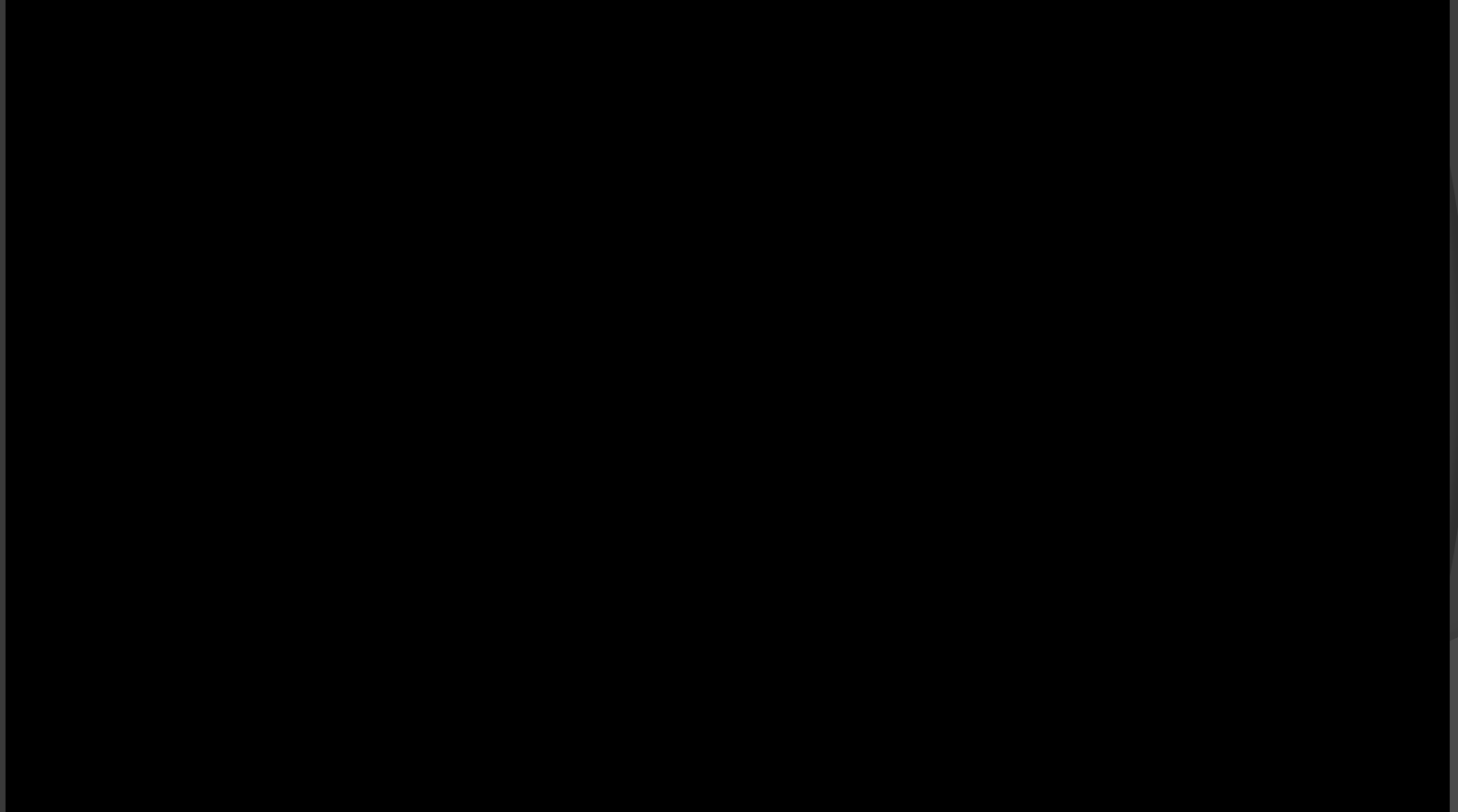
KEYWORDS

- ⦿ Cryptorchidism
- ⦿ Undescended testis
- ⦿ Retractable testis
- ⦿ Abdominal testis
- ⦿ Orchiopexy
- ⦿ Fowler–Stephens orchiopexy

MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phân biệt được tinh hoàn ẩn với các thể tinh hoàn không nằm trong bìu khác
2. Giải thích được cơ chế sinh bệnh học của tinh hoàn ẩn
3. Chẩn đoán được tinh hoàn ẩn và các biến chứng
4. Lập được kế hoạch theo dõi và điều trị một trường hợp tinh hoàn ẩn

Phôi thai học



Phôi thai học

◎ Tuần 7: hình thành tinh hoàn (SRY)

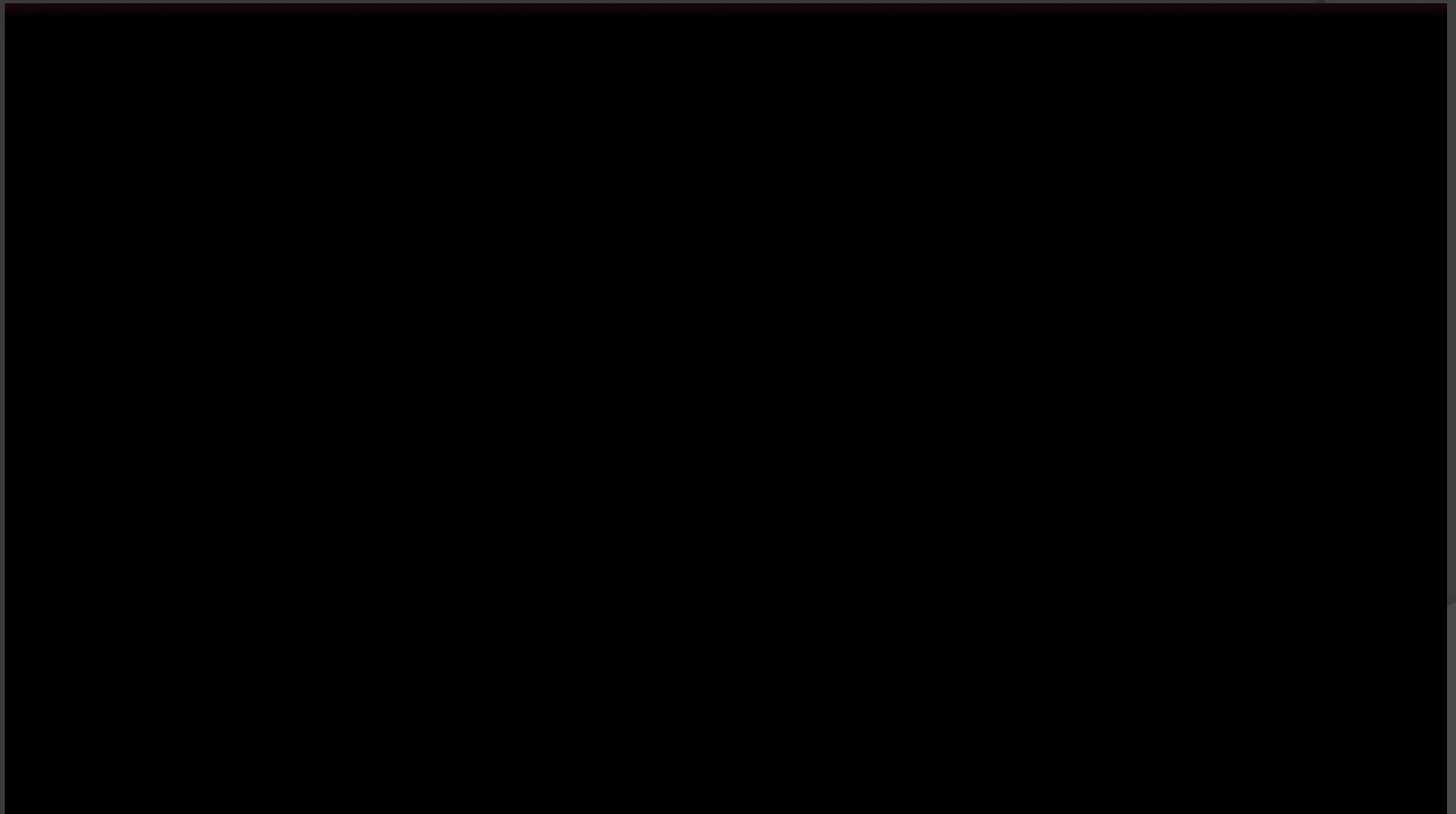
◎ Tuần 8: Sertoli:

- Ống Muller \xrightarrow{MIF} thoái hóa

◎ Tuần 10: Leydig:

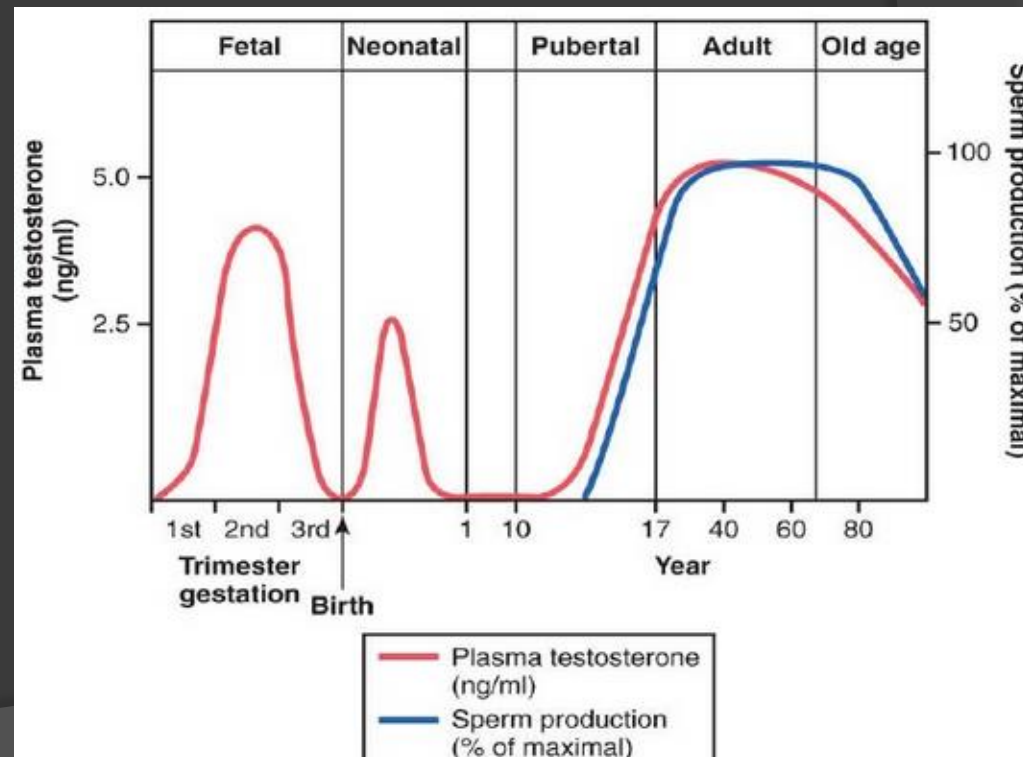
- Ống Wolff $\xrightarrow{Testosterone}$ Mào tinh, ống dẫn tinh, túi tinh
- DC cực đầu tinh hoàn $\xrightarrow{Testosterone}$ thoái hóa
- Gubernaculum $\xrightarrow{INSL3}$ nam hóa

Phôi thai học

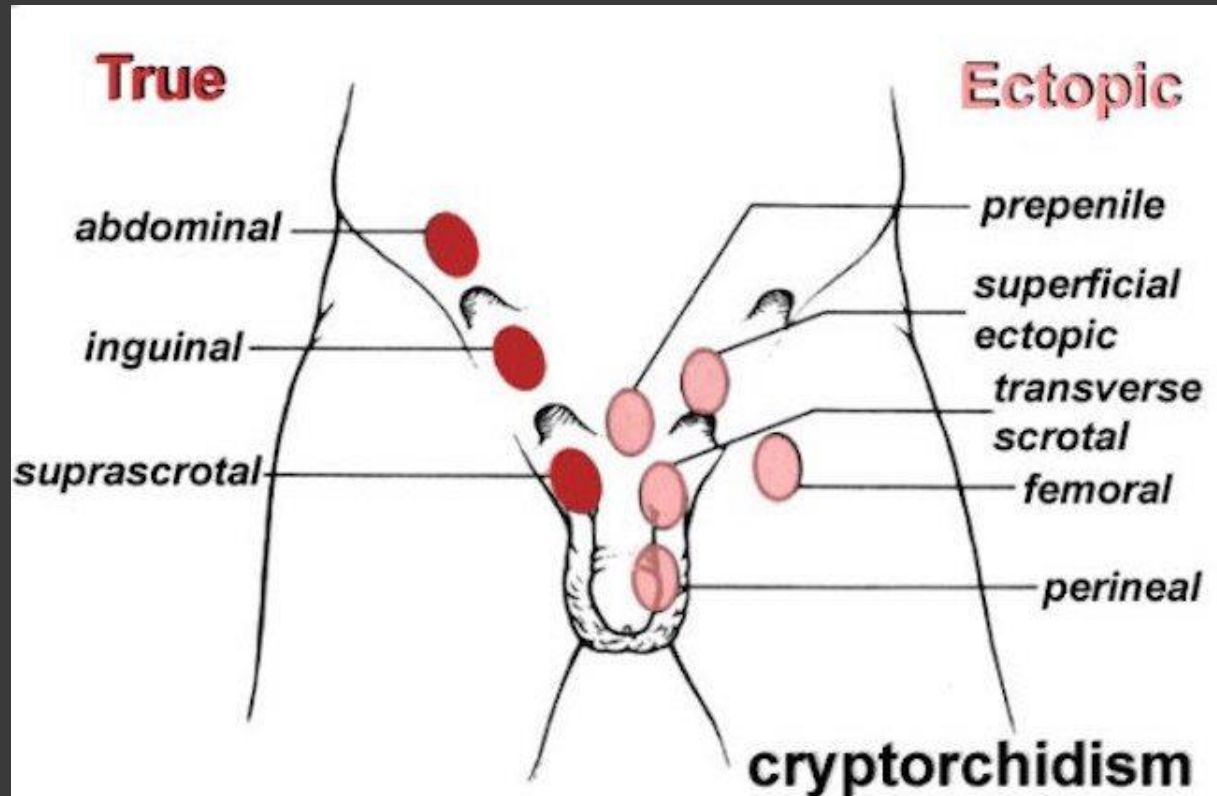


Xuất độ

- 3% sơ sinh đủ tháng
- 30% ở trẻ sơ sinh thiếu tháng
- Sờ thấy 80%,
Không sờ thấy 20%



Định nghĩa



	Tinh hoàn ẩn (Undescended testes)	Tinh hoàn lạc chỗ (ectopic testes)	Tinh hoàn co rút (retractile testes)	Tinh hoàn di lên (ascending testes)	Tinh hoàn di động (gliding testes)
Vị trí	-Trên đường đi hoặc không có - Bìu (-)	- Đã ra khỏi ống bẹn - Bìu (-)	- Trong ống bẹn. - Bìu (\pm)	- Đã từng ở trong bìu	- Nằm ở phần cao của bìu
Kéo xuống bìu	(-)	(-)	- Được - Nằm 1 lúc sau khi buông ra	(\pm)	- Được - Chạy lên ngay khi buông ra

Lâm sàng

● Bệnh sử

● Khám:

- Tư thế frog-leg
- Quan sát
- Sờ ống bẹn, đùi, TSM.



Cận lâm sàng

- ⦿ Karyotype
- ⦿ 17-hydroxylase progesterone
- ⦿ Testosterone
- ⦿ LH
- ⦿ FSH

- ◎ **Hình ảnh học:** không có vai trò chẩn đoán
- ◎ **Nội soi ổ bụng:** khi không sờ thấy

Biến chứng

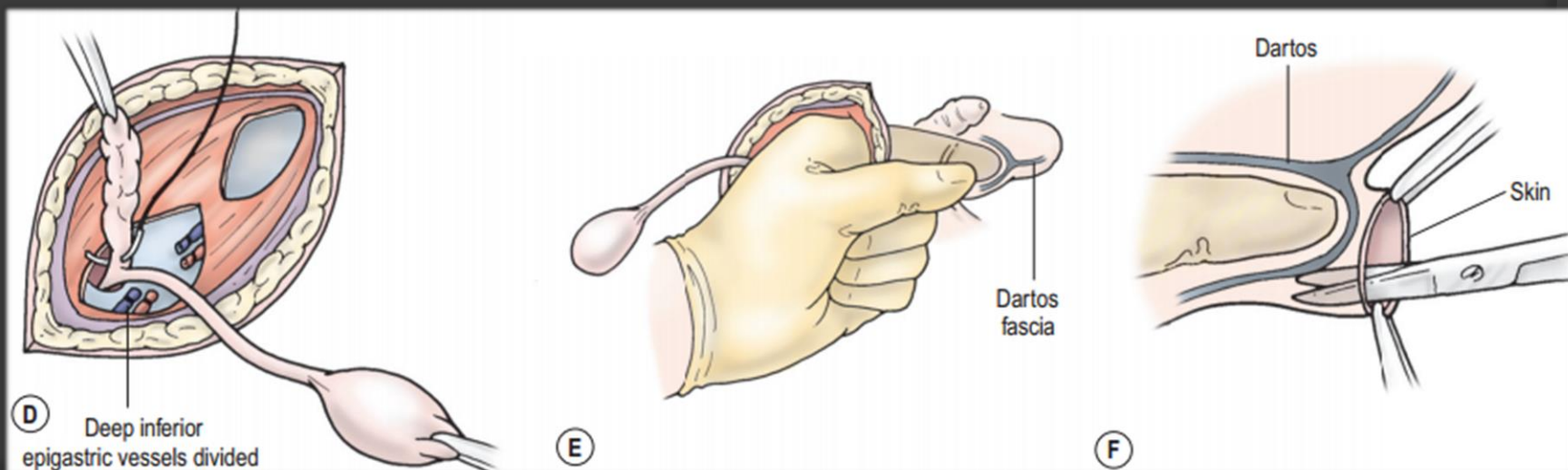
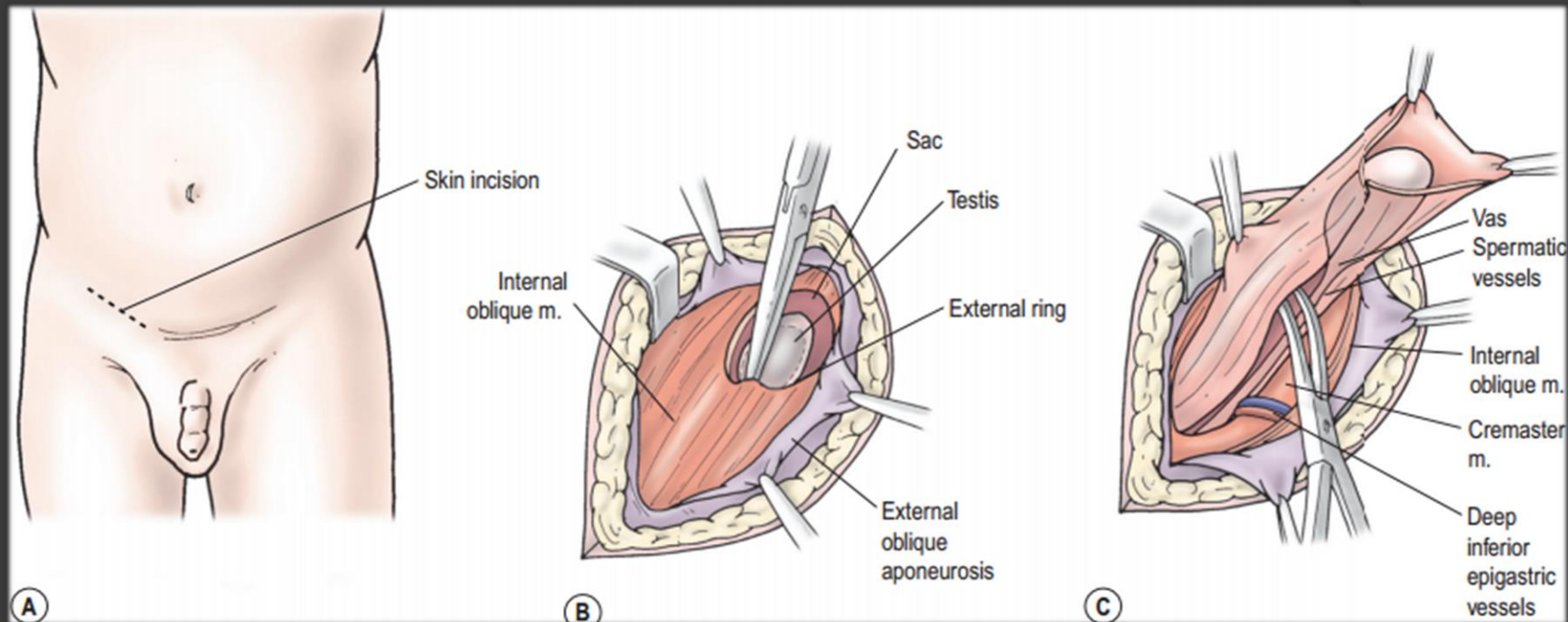


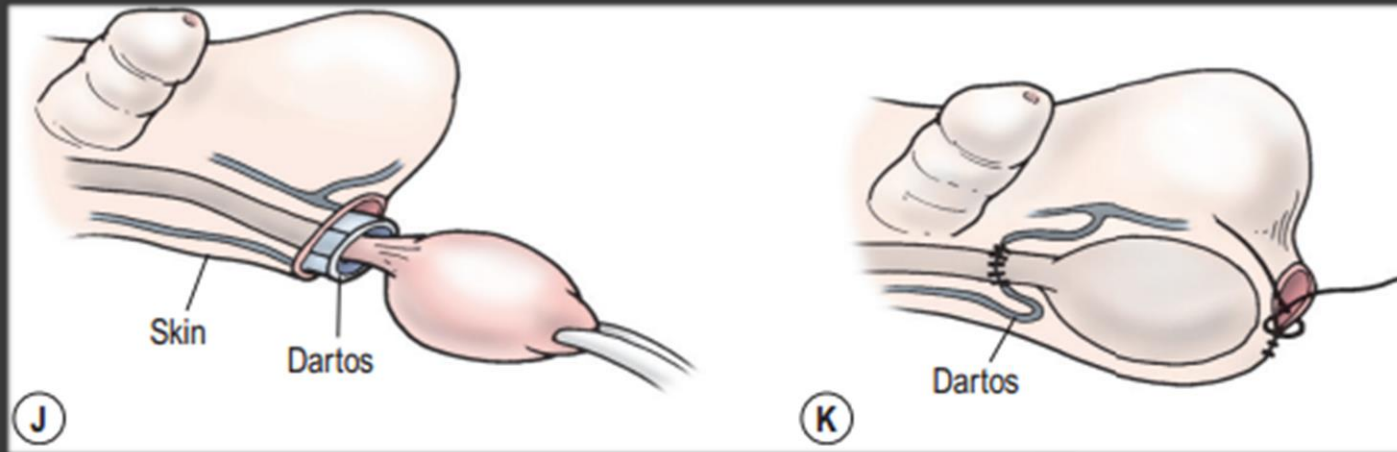
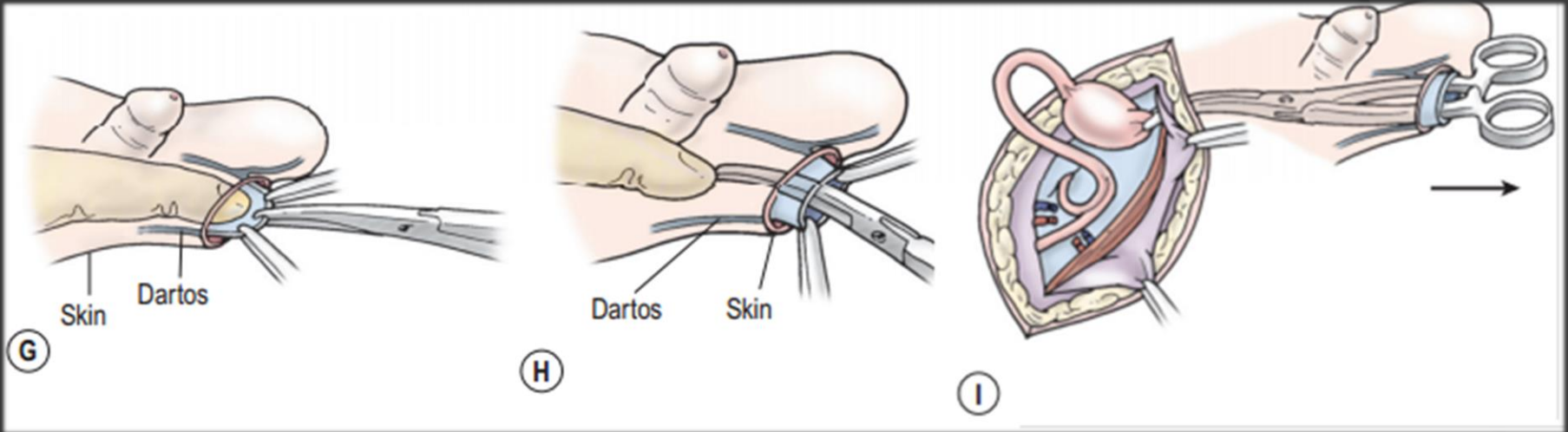
Điều trị:

- ⊙ **Hormone**

- ⊙ **Phẫu thuật: 6 – 12 tháng**

- Sờ thấy: hạ tinh hoàn xuống bìu
- Không sờ thấy: nội soi ổ bụng
 - Tìm được tinh hoàn: hạ xuống bìu 1 hoặc 2 thì (Fowler-Stephens orchiopexy)
 - Không tìm được: phải tìm được đầu xa mạch máu tinh hoàn.





Biến chứng sau mổ

- ⊙ Nhiễm trùng vết mổ
- ⊙ Tụ máu
- ⊙ Xoắn tinh hoàn
- ⊙ Teo tinh hoàn
- ⊙ Tổn thương ống dẫn tinh
- ⊙ Tái phát

Take-home messages

